

Số: *1027*/KH-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày *05* tháng *5* năm 2023

KẾ HOẠCH **Chuyển đổi số ngành Giáo dục năm 2023**

Thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Căn cứ các Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 59/KH-UBND ngày 01/3/2022 về thực hiện Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; số 97/KH-UBND ngày 25/3/2022 về việc triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022 - 2025; số 36/KH-UBND ngày 17/02/2023 về triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2023; số 37/KH-UBND ngày 17/02/2023 của về chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh năm 2023.

Trên cơ sở kết quả thực hiện Kế hoạch số 496/KH-SGDĐT ngày 22/02/2022 về chuyển đổi số ngành Giáo dục đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch chuyển đổi số ngành Giáo dục năm 2023 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục

a. Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục theo quy định tại Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo:

- Trước ngày 30/4/2023, có ít nhất 95% học sinh từ lớp 9 đến lớp 12 được cập nhật mã định danh cá nhân, trong đó 100% học sinh lớp 9, 12 có mã định danh cá nhân hợp lệ để phục vụ đăng ký thi tuyển sinh vào lớp 10 và thi tốt nghiệp trung học phổ thông;

- Trước ngày 31/5/2023, 100% học sinh và học viên được cập nhật đầy đủ

điểm năm học 2022 - 2023;

- Trước ngày 31/10/2023, 100% trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên được cập nhật đầy đủ thông tin theo quy định lên CSDL ngành.

b. Phát triển các ứng dụng dựa trên CSDL ngành

- 100% trường có cấp trung học phổ thông sử dụng CSDL ngành để tuyển sinh lớp 10, ít nhất trường 50% trường tiểu học, trung học cơ sở sử dụng CSDL ngành để tuyển sinh lớp 1, lớp 6;

- 100% cơ sở giáo dục phổ thông sử dụng CSDL ngành để phát triển các ứng dụng quản trị trường học, lập báo cáo, kế hoạch.

2. Chuyển đổi số trong dạy, học

- 100% các cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên có kế hoạch, quy chế tổ chức dạy học trực tuyến, trong đó tỉ trọng nội dung chương trình được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trên 2,0%;

- 100% các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên có nội dung chuyển đổi số được lồng ghép, tích hợp trong chương trình giảng dạy của nhà trường và sử dụng phần mềm dạy học trực tuyến;

- 10% cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên có triển khai hệ thống quản lí học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS);

- Mỗi cơ sở giáo dục phổ thông có ít nhất 5% số lượng bài học/môn học, chương trình giáo dục có học liệu được số hóa;

- Mỗi cấp học ở địa phương lựa chọn, xây dựng 01 mô hình trường học chuyển đổi số điển hình; thành lập tối thiểu 01 cụm trường “chuyển đổi số” trên địa bàn cấp huyện.

3. Chuyển đổi số trong quản trị các cơ sở giáo dục

- 100% cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên sử dụng phần mềm để quản lý toàn diện học sinh, giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính, tài sản;

- 100% cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, sổ sách điện tử;

- 100% cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai thực hiện Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT để đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị, có ít nhất 70% đơn vị đạt Mức độ 1 trở lên, trong đó ít nhất 30% đạt Mức độ 2, 5,0% đạt Mức độ 3;

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản đảm bảo an toàn thông tin.

4. Chuyển đổi số dịch vụ hỗ trợ người học, người dân

a. Cải cách thủ tục hành chính

- Có ít nhất 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến;
- Số hóa ít nhất 50% hồ sơ quản lý cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông tại Sở Giáo dục và Đào tạo.

b. Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt

- 100% các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên ở vùng thành thị, nông thôn và 80% ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi chấp nhận thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ người học bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt;

- 85% số tiền học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ người học của các cơ sở giáo dục ở vùng thành thị, nông thôn; 55% ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt;

c. Đăng ký tuyển sinh trực tuyến các lớp đầu cấp phổ thông

- Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai đăng ký tuyển sinh vào lớp 10 cho 100% trường có cấp trung học phổ thông;

- Phòng Giáo dục và Đào tạo triển khai đăng ký tuyển sinh lớp 1, lớp 6 bằng hình thức trực tuyến cho ít nhất 50% trường tiểu học, trung học cơ sở ở thành phố; 30% ở thị xã; 10% ở huyện.

II. NHIỆM VỤ

1. Tiếp tục hoàn thiện CSDL ngành giáo dục, đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống” đảm bảo đồng bộ, liên thông với CSDL ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, CSDL Quốc gia về dân cư

- Đơn vị chủ trì: Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- Đơn vị phối hợp: Phòng Tổ chức cán bộ và Quản lý chất lượng giáo dục;
- Đơn vị triển khai thực hiện: Các đơn vị thuộc Sở; Phòng Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên.

- Thời gian hoàn thành: Đảm bảo tiến độ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, yêu cầu của Công an tỉnh.

2. Phát huy hiệu quả các thiết bị công nghệ thông tin đã được đầu tư phục vụ chuyển đổi số trong dạy, học; số hóa tài liệu, học liệu, xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập; tiếp tục phát huy hiệu quả của dạy học trực tuyến; xây dựng và triển khai một số mô hình chuyển đổi số trong nhà trường

- Đơn vị chủ trì tham mưu: Phòng Giáo dục phổ thông;

- Đơn vị phối hợp: Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Giáo dục thường xuyên và Giáo dục mầm non;

- Đơn vị triển khai thực hiện: Phòng Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên;

- Thời gian hoàn thành: Trước 31/12/2023.

3. Từng bước số hóa thông tin quản lý giáo dục, quản trị trường học, tạo lập công cụ trên nền tảng công nghệ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan quản lý giáo dục và vận hành, tổ chức hoạt động của cơ sở giáo dục

- Đơn vị chủ trì tham mưu: Phòng Tổ chức cán bộ và Quản lý chất lượng;

- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị thuộc Sở;

- Đơn vị thực hiện: Các đơn vị thuộc Sở; Phòng Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên;

- Thời gian hoàn thành: Trong năm 2023.

4. Thúc đẩy các tiện ích chuyển đổi số phục vụ người học, người dân góp phần xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, đẩy mạnh cải cách hành chính trong giáo dục, tạo thuận lợi cho người học, cha mẹ người học và người dân

- Đơn vị chủ trì tham mưu: Phòng Tổ chức cán bộ và Quản lý chất lượng, Phòng Kế hoạch - Tài chính (đối với nội dung phát triển thanh toán không dùng tiền mặt);

- Đơn vị phối hợp: Văn phòng, Phòng Giáo dục phổ thông;

- Đơn vị thực hiện: Phòng Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên.

- Thời gian hoàn thành: Trong năm 2023.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chuyển đổi số Sở Giáo dục và Đào tạo

- Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số theo kế hoạch.

2. Các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

- Các đơn vị được giáo chủ trì tham mưu: Căn cứ nhiệm vụ được phân công để tham mưu triển khai thực hiện kế hoạch, bao gồm: văn bản chỉ đạo, hướng dẫn; tổ chức tập huấn; kiểm tra việc thực hiện tại các địa phương, đơn vị; báo cáo đánh

- Các đơn vị phối hợp: Tham gia các nội dung liên quan theo đề nghị cả đơn vị chủ trì; chủ động bổ sung nội dung về chuyển đổi số trong công tác tham mưu, kiểm tra, thanh tra tại các cơ sở giáo dục;

- Phòng Tổ chức cán bộ và Quản lý chất lượng: Tham mưu kế hoạch tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch, tập huấn, hướng dẫn các nội dung chuyển đổi số; kế hoạch kiểm tra tại các địa phương, đơn vị; hàng tháng tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch của các đơn vị thuộc Sở, các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục.

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Xây dựng hoặc bổ sung Kế hoạch chuyển đổi số trong ngành giáo dục huyện, thị xã, thành phố đảm bảo đạt các mục tiêu của Kế hoạch này;

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý xây dựng Kế hoạch, triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại đơn vị;

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch của địa phương tháng/quí/năm theo yêu cầu của Sở Giáo dục và Đào tạo.

4. Trường có cấp trung học phổ thông; trung tâm giáo dục hướng nghiệp và giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên

- Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023 của đơn vị phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế; tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo thiết thực, hiệu quả, góp phần đạt mục tiêu chung;

- Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch của đơn vị tháng/quí/năm theo yêu cầu của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc, kịp thời, có kết quả./

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các phòng GDĐT;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, TCCBQLCL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đinh Ngọc Sơn